

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, phường Phú Tân, TP Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1,195,343,224,206	1,224,264,720,849
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	10,500,739,853	22,814,483,712
1. Tiền	111		10,500,739,853	2,758,483,712
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	20,056,000,000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	839,381,997	3,411,544,000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		988,103,451	3,808,256,322
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(148,721,454)	(396,712,322)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	5.3	651,357,307,009	276,938,951,477
1. Phải thu khách hàng	131		581,560,762,770	272,315,383,328
2. Trả trước cho người bán	132		5,712,472,144	1,676,346,274
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		71,111,723,749	9,377,875,525
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(7,027,651,654)	(6,430,653,650)
IV. Hàng tồn kho	140	5.4	519,469,788,277	899,767,070,710
1. Hàng tồn kho	141		522,577,558,516	916,635,561,600
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(3,107,770,239)	(16,868,490,890)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		13,176,007,070	21,332,670,950
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	144,028,438
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2,529,568,468	3,856,429,048
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	3,506,795
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.5	10,646,438,602	17,328,706,669

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		538,627,445,987	416,434,969,888
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cô định	220		229,627,964,237	231,402,773,396
1. Tài sản cô định hữu hình	221	5.6	48,643,175,151	57,500,451,978
<i>Nguyên giá</i>	222		92,283,597,148	94,457,758,083
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(43,640,421,997)	(36,957,306,105)
2. Tài sản cô định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cô định vô hình	227	5.7	60,536,285,660	61,330,504,989
<i>Nguyên giá</i>	228		62,961,546,808	62,961,546,808
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(2,425,261,148)	(1,631,041,819)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.8	120,448,503,426	112,571,816,429
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.9	308,999,481,750	185,032,196,492
1. Đầu tư vào công ty con	251		309,194,000,000	188,505,640,749
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		68,477,795	68,477,795
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(262,996,045)	(3,541,922,052)
V. Tài sản dài hạn khác	260		-	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
VI. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1,733,970,670,193	1,640,699,690,737

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		1,008,566,746,667	868,958,566,996
I. Nợ ngắn hạn	310		1,003,918,369,567	862,998,201,896
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.10	725,024,036,955	634,560,280,103
2. Phải trả người bán	312	5.11	192,317,426,899	164,780,951,025
3. Người mua trả tiền trước	313	5.11	4,367,762,645	5,510,938,954
4. Thuê và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.12	68,196,719,254	34,327,661,033
5. Phải trả người lao động	315	5.13	55,259,564	214,899,098
6. Chi phí phải trả	316	5.14	103,730,025	4,324,115,833
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.15	8,543,815,371	14,513,968,649
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	5.16	5,309,618,854	4,765,387,201
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		4,648,377,100	5,960,365,100
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	5.17	4,322,078,000	5,634,066,000
5. Thuê thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		326,299,100	326,299,100
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		725,403,923,526	771,741,123,741
I. Vốn chủ sở hữu	410		725,403,923,526	771,741,123,741
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	5.18	501,360,900,000	501,360,900,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		160,852,283,540	160,852,283,540
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		(58,638,685,584)	(58,638,685,584)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		25,358,534,309	17,239,269,021
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		2,632,796,366	1,866,469,837
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		93,838,094,895	149,060,886,927
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
C - LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1,733,970,670,193	1,640,699,690,737

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại:			
+ USD			
+ EUR			
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Bình Dương, ngày 14 tháng 11 năm 2012



Vũ Thị Vui
 Người lập



Nguyễn Thị Phước Diên
 Kế toán trưởng




Nguyễn Thanh Nghĩa
 Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, phường Phú Tân, TP Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý 3 Năm 2012

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 3		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		356,595,233,102	364,230,932,328	1,460,287,286,802	1,593,182,596,165
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		137,880,573	351,937,794	625,438,395	1,745,671,922
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	356,457,352,529	363,878,994,534	1,459,661,848,407	1,591,436,924,243
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	349,363,622,147	313,838,068,007	1,392,351,656,973	1,277,748,277,255
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		7,093,730,382	50,040,926,527	67,310,191,434	313,688,646,988
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	20,349,623,263	110,485,167	22,393,680,221	7,690,997,009
7. Chi phí tài chính	22	6.4	17,314,141,581	11,872,104,887	60,568,214,212	92,616,544,780
Trong đó: chi phí lãi vay	23		16,194,125,540	11,532,418,243	61,394,454,569	55,261,993,160
8. Chi phí bán hàng	24	6.5	2,257,885,335	1,697,025,641	7,518,774,555	12,313,072,836
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.6	3,914,602,089	5,221,828,826	15,797,594,304	18,214,826,859
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3,956,724,640	31,360,452,340	5,819,288,584	198,235,199,521
11. Thu nhập khác	31	6.7	198,720,929	1,053,339,339	2,510,217,485	1,075,282,982
12. Chi phí khác	32	6.8	22,517,296	67,348,852	3,070,925,739	431,988,033
13. Lợi nhuận khác	40		176,203,633	985,990,487	(560,708,254)	643,294,949
14. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		-	-	-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		4,132,928,273	32,346,442,827	5,258,580,330	198,878,494,470

16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	6.9	419,588,991	2,723,704,225	562,631,699	17,670,779,438
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		3,713,339,282	29,622,738,602	4,695,948,631	181,207,715,032



Vũ Thị Vui
Người lập



Nguyễn Thị Phước Diên
Kế toán trưởng



Bình Dương, ngày 14 tháng 11 năm 2012

Nguyễn Thanh Nghĩa
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, phường Phú Tân, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý III Năm 2012

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		5,258,580,330	198,878,494,470
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.9; V.10; V.1	7,477,335,221	13,852,796,823
- Các khoản dự phòng	03	V.6	(16,690,639,522)	1,605,717,037
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.3; VI.4	(1,294,497,204)	4,014,121,371
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	0	(1,438,178,543)	(2,152,200,411)
- Chi phí lãi vay	06	0	61,394,454,569	55,261,993,160
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		54,707,054,851	271,460,922,450
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(373,553,317,075)	(14,375,316,812)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		394,058,003,084	433,711,583,021
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		49,912,179,166	140,022,514,009
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		144,028,438	(14,965,909)
- Tiền lãi vay đã trả	13	V.21; VI.4	(59,400,721,175)	(52,216,679,390)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.19	-	(11,324,173,792)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	V.8; V.23	496,503,725,062	494,766,841,387
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	V.8; V.23	(494,627,877,264)	(499,202,819,837)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		67,743,075,087	491,366,982,677
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.9; V.12	(9,101,806,136)	(24,287,488,179)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		2,070,443,183	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	2,000,000,000
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		2,000,000,000	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	V.13	(120,688,359,251)	(57,729,391,868)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26	V.14	-	2,066,052,205
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được c	27	0	1,119,972,254	2,152,200,411
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(124,599,749,950)	(77,798,627,431)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, phường Phú Tân, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm nay
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			(58,508,685,584)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.16; V.24	1,173,027,377,594	879,330,663,156
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.16; V.24	(1,081,530,003,836)	(1,344,687,260,688)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	V.16;	-	(850,399,999)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(46,953,830,000)	(145,000,284,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		44,543,543,758	(669,715,967,115)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(12,313,131,105)	15,313,310,581
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	22,814,483,712	8,792,394,139
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi	61		(612,754)	405,975,632
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	10,500,739,853	24,511,680,352



Vũ Thị Vui
Người lập

Nguyễn Thị Phước Diên
Kê toán trưởng

Nguyễn Thanh Nghĩa
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, phường Phú Tân, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với bản báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc (được chuyển đổi từ Công ty TNHH thép Đại Thiên Lộc, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4602000250 ngày 11 tháng 7 năm 2001) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4603000334 ngày 12 tháng 4 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 12 tháng 01 năm 2012.

Trụ sở và nhà máy được đặt tại Lô CN8, đường CN5, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, phường Phú Tân, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 501.360.900.000 đồng.

Các đơn vị trực thuộc tính đến ngày 30 tháng 6 năm 2012 gồm:

- Chi nhánh tại 507 Tôn Đức Thắng, phường Hòa Khánh, quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng.
- Chi nhánh tại 19 Cách Mạng Tháng Tám, phường Long Hương, thị xã Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.
- Xí nghiệp cơ khí và xây dựng Đại Thiên Lộc tại Ô 13A, lô CN8, đường N5, khu công nghiệp Sóng Thần III, phường Phú Tân, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.
- Chi nhánh tại 69 Trần Hưng Đạo, thị trấn Long Mỹ, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.
- Chi nhánh tại 295 Trần Hưng Đạo B, phường 5, thị xã Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.
- Khu liên hợp sản xuất thép Đại Thiên Lộc tại Ô 10-11-12-13B, lô CN8, đường N5, khu công nghiệp Sóng Thần 3, xã Tân Vĩnh Hiệp, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.
- Chi nhánh tại 14/20 Quốc Lộ 1A, ấp 3, xã Tân Quý Tây, huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh.
- Chi nhánh tại 105/49A ấp Chiêu Liêu, xã Tân Đông Hiệp, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, thương mại.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất thép lá mạ kẽm (tôn kẽm), mạ hợp kim nhôm kẽm (tôn lạnh), thép lá mạ màu;
- Mua bán sắt thép các loại, vật tư, nhiên liệu, máy móc thiết bị phục vụ cho sản xuất thép và xây dựng;
- Sản xuất tôn lợp, cán xà gồ;
- Sản xuất các sản phẩm cơ khí;
- Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa;
- Cho thuê kho bãi;
- Sản xuất, lắp dựng các cấu kiện sắt thép, nhà kho, dầm cầu trục, các sản phẩm cơ khí phục vụ xây dựng;
- Xây dựng dân dụng, công nghiệp; Xây dựng nhà các loại;
- Thi công hệ thống điện nước công trình;
- Vận chuyển hàng hóa nội bộ;
- Sản xuất thép xây dựng, thép hình; Đúc sắt thép;
- Chế biến nông sản;
- Sản xuất, lắp đặt tấm cách nhiệt;

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, phường Phú Tân, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

- Sản xuất đồ gỗ gia dụng;
- Dịch vụ giao nhận; Dịch vụ khai thuê hải quan, lập dự án đầu tư và tư vấn đầu tư;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống;
- Kinh doanh địa ốc, nhà xưởng; Đầu tư kinh doanh cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, dân cư đô thị; Cho thuê kho bãi.

1.4. Nhân viên

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2012, Công ty có 396 nhân viên đang làm việc (cuối năm trước là 500 nhân viên).

2. Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty từ 01/01 đến 31/12

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán là Nhật ký chung.

3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2012.

4. Các chính sách kế toán áp dụng

4.1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

4.2. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản ký gửi không kỳ hạn. Tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản mục tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán hoặc chuyển đổi vào cuối kỳ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

4.4. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, phường Phú Tân, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BẢO CAO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối kỳ, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dễ dàng, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

4.5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

4.6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

- Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính.

Quyền sử dụng đất là tiền thuê đất Công ty trả một lần cho nhiều năm và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, phường Phú Tân, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	14 – 20 năm
+ Máy móc thiết bị	05 – 10 năm
+ Phương tiện vận tải truyền dẫn	05 – 10 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05 năm
+ Tài sản cố định vô hình – Phần mềm máy tính	08 năm
+ Tài sản cố định vô hình – quyền sử dụng đất có thời hạn	39 – 48 năm

4.7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

Nguyên tắc vốn hóa các khoản chi phí đi vay: Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí đi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt.

4.8. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận theo giá gốc.
- Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.

Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

- Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư

Cuối kỳ, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của chứng khoán đầu tư nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. Số dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của chứng khoán đầu tư lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu có thực nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

4.9. Ghi nhận chi phí phải trả và dự phòng phải trả

- Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối kỳ và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.
- Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, Công ty và các nhân viên phải đóng góp vào quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ.

4.10. Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung của cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, phường Phú Tân, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

- Ghi nhận và trình bày cổ phiếu ngân quỹ

Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

- Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế:

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty như sau:

	<u>Mục đích</u>	<u>Tỷ lệ trích lập từ lợi nhuận sau thuế</u>
+ Quỹ đầu tư phát triển	Mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu của Công ty	5%
+ Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động	3%

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm.

4.11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.
- Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.
- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.
- Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

4.12. Thuế

- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.
- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hoãn lại: chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Ưu đãi, miễn giảm thuế:

Đối với hoạt động thương mại, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 02 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 06 năm tiếp theo (từ năm 2006 đến năm 2011).

Đối với hoạt động sản xuất, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 15% trên thu nhập chịu thuế trong vòng 12 năm kể từ khi Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 03 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 07 năm tiếp theo (từ năm 2007 đến năm 2014).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, phường Phú Tân, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

- Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

4.13. Công cụ tài chính

- Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, các khoản cho vay, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

- Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.14. Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

4.15. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

4.16. Số liệu so sánh

Một vài số liệu so sánh đã được sắp xếp lại cho phù hợp với việc trình bày báo cáo tài chính của giai đoạn tài chính này.

5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên bảng cân đối kế toán

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối kỳ	Đầu năm
Tiền mặt	130.236.311	504.056.243
Tiền gửi ngân hàng	10.370.503.542	2.254.427.469
Các khoản tương đương tiền	-	20.056.000.000
Tổng cộng	10.500.739.853	22.814.483.712

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, phường Phú Tân, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Cổ phiếu ngắn hạn	988.103.451	1.808.256.322
Đầu tư ngắn hạn khác	-	2.000.000.000
Cộng giá gốc các khoản đầu tư ngắn hạn	988.103.451	3.808.256.322
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(148.721.454)	(396.712.322)
Giá trị thuần của đầu tư tài chính ngắn hạn	839.381.997	3.411.544.000

Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn được chi tiết như sau:

	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty CP Đông Hải Bến Tre	113.430	988.103.451	189.613	1.808.256.322

Lý do thay đổi với loại cổ phiếu Công ty CP Đông Hải Bến Tre là do Công ty đã bán bớt cổ phiếu trong kỳ.

5.3. Các khoản phải thu ngắn hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải thu khách hàng	581.560.762.770	272.315.383.328
Trả trước cho người bán	5.712.472.144	1.676.346.274
Các khoản phải thu khác	71.111.723.749	9.377.875.525
Cộng các khoản phải thu ngắn hạn	658.384.958.663	283.369.605.127
Dự phòng phải thu khó đòi	(7.027.651.654)	(6.430.653.650)
Giá trị thuần của các khoản phải thu	651.357.307.009	276.938.951.477

Các khoản phải thu khác được chi tiết như sau:

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải thu Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc - chi hộ, cho mượn - xem thêm mục 8.	56.671.593.233	2.042.511.975
Thuế GTGT đề nghị hoàn	11.959.051.942	
Tiền cho công nhân viên vay	627.744.750	630.494.750
Thuế nhập khẩu chờ được hoàn	444.938.794	5.494.103.772
Phải thu khác	1.408.395.030	1.210.765.028
Cộng	71.111.723.749	9.377.875.525

Các khoản dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi được chi tiết như sau:

	Cuối kỳ	Đầu năm
Khoản nợ phải thu quá hạn dưới 01 năm	(41.102.233)	(268.074.094)
Khoản nợ phải thu quá hạn dưới 02 năm	(162.928.284)	-
Khoản nợ phải thu quá hạn dưới 03 năm	(302.413.821)	(1.387.209.146)
Khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên	(6.521.207.316)	(4.775.370.410)
Cộng	(7.027.651.654)	(6.430.653.650)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, phường Phú Tân, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.4. Hàng tồn kho

	Cuối kỳ	Đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	109.019.586.152	146.493.484.785
Công cụ, dụng cụ	2.854.742.754	5.840.966.146
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	2.257.637.004	1.372.068
Thành phẩm	70.838.004.129	356.270.895.591
Hàng hóa	337.607.588.477	408.028.843.010
Cộng giá gốc hàng tồn kho	522.577.558.516	916.635.561.600
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(3.107.770.239)	16.868.490.890
Giá trị thuần có thể thực hiện	519.469.788.277	899.767.070.710

Giá trị hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong kỳ là 13.760.720.651 đồng, do hàng đã được bán trong kỳ.

5.5. Tài sản ngắn hạn khác

	Cuối kỳ	Đầu năm
Tài sản thiếu chờ xử lý	130.385.758	121.280.419
Tạm ứng	1.077.106.978	669.184.026
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	9.438.945.866	16.538.242.224
Tổng cộng	10.646.438.602	17.328.706.669

5.6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	ĐVT: ngàn đồng	
				Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	16.931.484	48.115.283	28.036.351	1.374.640	94.457.758
Mua trong kỳ	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.168.869)	(1.005.291)	-	(2.174.160)
Số dư cuối kỳ	16.931.484	46.946.414	27.031.060	1.374.640	92.283.597
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	6.231.534	20.931.117	9.012.646	782.009	36.957.306
Khấu hao trong kỳ	893.816	3.647.949	2.477.529	123.564	4.770.043
Thanh lý, nhượng bán	-	(181.709)	(237.822)	-	(419.531)
Giảm khác	-	(40.211)	-	-	(40.211)
Phân loại lại	-	9.134	(9.134)	-	-
Số dư cuối kỳ	7.125.350	24.366.280	11.243.219	905.573	43.640.421
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	10.699.950	27.184.166	19.023.705	592.631	57.500.452
Tại ngày cuối kỳ	9.806.134	22.580.134	15.787.841	469.067	48.643.175

5.7. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, phường Phú Tân, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	62.870.247.808	91.299.000	62.961.546.808
Mua trong kỳ	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Số dư cuối kỳ	62.870.247.808	91.299.000	62.961.546.808
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	1.608.217.073	22.824.746	1.631.041.819
Khấu hao trong kỳ	785.660.050	8.559.279	794.219.629
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Phân loại lại	(11.412.372)	11.412.372	-
Số dư cuối kỳ	2.382.464.751	42.796.397	2.425.261.148
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	61.262.030.735	68.474.254	61.330.504.989
Tại ngày cuối kỳ	60.487.782.057	48.502.603	60.536.285.660

5.8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Cuối kỳ	Đầu năm
Công trình văn phòng, nhà xưởng	99.186.960.191	93.101.647.970
Máy móc, dây chuyền sản xuất	20.135.919.808	18.245.057.878
Công trình tường rào tại Xí nghiệp cơ khí	-	1.225.110.581
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	1.125.623.427	-
Tổng cộng	120.448.503.426	112.571.816.429

Toàn bộ giá trị xây dựng cơ bản dở dang công trình văn phòng nhà xưởng, máy móc thiết bị và công trình văn phòng được dùng để thế chấp cho các khoản vay dài hạn của Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc.

5.9. Đầu tư tài chính dài hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Đầu tư vào công ty con	309.194.000.000	188.505.640.749
Đầu tư dài hạn khác	68.477.795	68.477.795
Cộng giá gốc các khoản đầu tư dài hạn	309.262.477.795	188.574.118.544
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(262.996.045)	(3.541.922.052)
Giá trị thuần của đầu tư tài chính dài hạn	308.999.481.750	185.032.196.492

Đầu tư vào công ty con được chi tiết như sau:

	Cuối kỳ	Đầu năm
	Giá trị	Giá trị
Công ty TNHH MTV Tôn Đại Thiên Lộc	9.194.000.000	9.194.000.000
Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc	300.000.000.000	179.311.640.749

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, phường Phú Tân, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Cộng	309.194.000.000	188.505.640.749
------	-----------------	-----------------

Chi tiết các khoản đầu tư vào Công ty con như sau:

- Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3701295519 ngày 22 tháng 12 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, vốn đầu tư của Công ty vào Công ty TNHH MTV tôn Đại Thiên Lộc là 15.000.000.000 đồng. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư 9.194.000.000 đồng, tương đương 61,29% vốn điều lệ.
- Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3701295237 ngày 22 tháng 12 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, vốn đầu tư của Công ty vào Công ty TNHH MTV thép Đại Thiên Lộc là 300.000.000.000 đồng. Trong kỳ, Công ty đã đầu tư thêm 120.688.359.251 đồng. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Tổng số vốn Công ty đã đầu tư là 300.000.000.000 đồng, tương đương 100% vốn điều lệ.
- Công ty đã làm thủ tục đăng ký kinh doanh thành lập Công ty TNHH MTV cơ khí và xây dựng Đại Thiên Lộc theo bản hợp Hội Đồng quản trị ngày 05 tháng 12 năm 2008. Tuy nhiên, việc góp vốn thành lập Công ty con trên chưa được thực hiện.

5.10. Vay ngắn hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Vay ngân hàng	674.498.121.210	627.432.881.903
Vay đối tượng khác	47.664.760.745	2.715.227.000
Vay dài hạn đến hạn trả	2.861.155.000	4.412.171.200
Tổng cộng	725.024.036.955	634.560.280.103

Vay và nợ dài hạn đến hạn trả: Xem thêm mục 5.17.

5.11. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải trả người bán	192.317.426.899	164.780.951.025
Người mua trả tiền trước	4.367.762.645	5.510.938.954
Tổng cộng	196.685.189.544	170.291.889.979

Phải trả người bán là các khoản phải trả thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty.

5.12. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Cuối kỳ	Đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	43.715.808.893	10.710.429.606
Thuế xuất, nhập khẩu	5.972.024.970	5.393.908.409
Thuế thu nhập doanh nghiệp	14.828.913.424	14.686.332.716
Thuế thu nhập cá nhân	3.679.971.967	3.536.990.302
Tổng cộng	68.196.719.254	34.327.661.033

5.13. Phải trả người lao động

Là khoản lương tháng 9 năm 2012 còn phải trả.

5.14. Chi phí phải trả

Cuối kỳ	Đầu năm
---------	---------

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, phường Phú Tân, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Chi phí lãi vay	-	4.319.814.141
Chi phí khác	103.730.045	4.301.692
Tổng cộng	103.730.025	4.324.115.833

5.15. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Cuối kỳ	Đầu năm
Kinh phí công đoàn	4.173.840	177.686.309
Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp	20.333.158	810.948.993
Cổ tức phải trả	164.506.367	1.890.253.660
Thu hộ tiền hàng	2.148.583.208	2.147.399.707
Tiền mượn	3.160.811.643	5.788.737.887
Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.045.407.155	3.698.942.093
Tổng cộng	8.543.815.371	14.513.968.649

5.16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Kỳ này	Kỳ trước
Số dư đầu năm	4.765.387.201	934.559.553
Trích lập trong kỳ	5.051.559.173	7.286.406.742
Tăng khác	3.600.000	54.853.500
Sử dụng trong kỳ	(4.510.927.520)	(2.843.811.970)
Số dư cuối kỳ	5.309.618.854	5.432.007.825

5.17. Vay và nợ dài hạn

Vay dài hạn là các khoản vay ngân hàng có thời hạn từ 36 tháng đến 60 tháng với lãi suất dao động theo lãi suất tiền gửi của ngân hàng cộng biên độ phù hợp do các ngân hàng quy định từng thời kỳ, số dư nợ gốc đến 30/9/2012 là 8.286.277.600 đồng, nợ dài hạn đến hạn trả là 3.964.199.600 đồng – Xem thêm mục 5.10.

Các khoản vay được bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay – Xem thêm mục 5.6.

5.18. Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu

	Cuối kỳ		Đầu Năm	
	Số tiền	Tỷ lệ %	Số tiền	Tỷ lệ %
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	187.697.270.000	37,44	82.500.000.000	16,46
Bà Nguyễn Thị Bích Liên	71.817.750.000	14,32	41.250.000.000	8,23
Vốn góp của các đối tượng khác	241.845.880.000	48,24	377.610.900.000	75,31
Tổng cộng	501.360.900.000	100,00	501.360.900.000	100,00

5.19. Cổ phần

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đăng ký phát hành	50.136.090	50.136.090
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đã bán ra	50.136.090	50.136.090
▪ Số lượng cổ phần phổ thông được mua lại	3.227.840	3.227.840
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành	46.908.250	46.908.250

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, phường Phú Tân, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

- Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

5.19.1 Lãi cơ bản trên cổ phần

Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 "Lãi trên cổ phiếu", trường hợp Công ty phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo quy định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

5.19.2 Cổ tức

Trong kỳ Công ty đã chi trả cổ tức đợt 2 năm 2011 (10%/mệnh giá) với số tiền 46.908.230.000 đồng.

6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả kinh doanh

6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ này	Kỳ trước
Doanh thu bán hàng hóa	960.524.441.317	881.921.535.733
Doanh thu bán thành phẩm	492.097.709.049	707.488.706.167
Doanh thu bán nguyên vật liệu	4.725.544.086	3.724.142.184
Doanh thu khác	2.939.618.350	48.212.081
Giảm giá hàng bán	(10.964.925)	(15.274.129)
Hàng bán bị trả lại	(614.473.470)	(1.730.397.793)
Doanh thu thuần	1.459.661.848.407	1.591.436.924.243

6.2. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này	Kỳ trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	957.523.018.972	694.191.607.498
Giá vốn của thành phẩm đã bán	440.336.288.147	579.895.067.551
Giá vốn của nguyên vật liệu đã bán	2.611.270.732	3.661.602.206
Giá vốn khác	5.641.799.773	-
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(13.760.720.651)	-
Tổng cộng	1.392.351.656.973	1.277.748.277.255

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này	Kỳ trước
Tổng cộng	22.393.680.221	7.690.997.009

6.4. Chi phí hoạt động tài chính

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí lãi vay	61.394.454.569	55.261.993.160
Lỗ chênh lệch tỷ giá	2.697.431.846	36.186.110.320
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng đầu tư tài chính	(3.523.672.203)	1.168.441.300
Tổng cộng	60.568.214.212	92.616.544.780

6.5. Chi phí bán hàng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, phường Phú Tân, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

	Kỳ này	Kỳ trước
Tổng cộng	7.518.774.555	12.313.072.836
6.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Tổng cộng	15.797.594.304	18.214.826.859
6.7. Thu nhập khác		
Tổng cộng	2.510.217.485	1.075.282.982
6.8. Chi phí khác		
Tổng cộng	3.070.925.739	431.988.033
6.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong kỳ	5.258.580.330	166.532.051.643
Chi phí thuế TNDN phải nộp trong kỳ	562.631.699	17.670.779.438

6.10. Biến động kết quả kinh doanh

STT	Chỉ tiêu	Quý 3/2012	Quý 3/2011	Chênh lệch	So sánh
	Doanh thu thuần	356.457.352.529	363.878.994.534	(7.421.642.005)	(20,4%)
	Lợi nhuận sau thuế TNDN	3.713.339.282	29.622.738.602	25.909.399.319	(87,46%)

Lợi nhuận sau thuế TNDN quý 3/2012 giảm so với quý 3/2011 là 7.421.642.005 tương ứng 20,40%, nguyên nhân chủ yếu là do ảnh hưởng từ khó khăn chung của nền kinh tế làm sức tiêu dùng giảm và chi phí đầu vào tăng cao.

7. Báo cáo bộ phận

Công ty không lập báo cáo bộ phận trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 "Báo cáo bộ phận", trường hợp Công ty phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì báo cáo bộ phận chỉ được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

8. Thông tin về các bên có liên quan

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các đơn vị và cá nhân sau đây được xem là các bên có liên quan với Công ty:

Tên công tyMối quan hệ

- | | |
|--|---------------------------------|
| 1. Công ty TNHH MTV Tôn Đại Thiên Lộc | Công ty con |
| 2. Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc | Công ty con |
| 3. Công ty TNHH MTV Cơ khí và Xây Dựng Đại Thiên Lộc | Công ty con |
| 4. Ông Nguyễn Thanh Nghĩa | Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, phường Phú Tân, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5. Công ty TNHH Sản xuất Thương Mại Thiên Lộc

Tổng Giám đốc

Công ty thuộc sở hữu cá nhân liên quan

- Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải thu bán hàng – xem thêm mục 5.3	499.765.079.282	151.806.485.820
Phải thu khác - Xem thêm mục 5.3	56.671.095.233	2.042.511.975
Phải thu cá nhân có liên quan	1.400.000.000	1.400.000.000
Phải trả bán hàng	(122.707.972.588)	(1.968.936.100)
Phải trả khác	(5.309.394.851)	(2.561.395.394)

- Bản chất các giao dịch nội bộ quan trọng và giá trị giao dịch trong kỳ như sau:

Bán hàng	1.161.842.515.421
Bán tài sản	2.070.443.183
Phí gia công	2.215.298.761
Mua hàng	175.848.033.442
Thu hộ tiền hàng	2.294.222.674
Chi hộ	-
Tạm mượn	1.183.501

- Thù lao Hội đồng quản trị và Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc

	Kỳ này
Thù lao Hội đồng Quản trị	-
Thu nhập ban Tổng Giám đốc	756.402.200
Tổng cộng	756.402.200

9. Công cụ tài chính

- Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

- Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Công ty áp dụng đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

- Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

- Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, phường Phú Tân, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty đã thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty chưa thực hiện biện pháp đảm bảo rủi ro do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro trọng yếu về lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi các đơn vị thuộc Công ty vay vốn với lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này được Công ty quản lý bằng cách duy trì một tỷ lệ hợp lý giữa các khoản vay với lãi suất cố định và các khoản vay với lãi suất thả nổi.

Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có khoản rủi ro tín dụng tập trung khá lớn từ khoản phải thu các bên liên quan. Rủi ro tín dụng tối đa được thể hiện là giá trị ghi sổ của số dư phải thu các bên liên quan như trình bày tại Thuyết minh số 8.

10. Các sự kiện sau ngày kết thúc giai đoạn tài chính

Không có các sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc giai đoạn tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

11. Các thông tin thuyết minh khác

Công ty đã chuyển các hoạt động sản xuất sang cho Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc từ tháng 4 năm 2012.

12. Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2012 được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và đồng ý phát hành.

Bình Dương, ngày 14 tháng 11 năm 2012

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



VŨ THỊ VUI

NGUYỄN THỊ PHƯỚC DIÊN

NGUYỄN THANH NGHĨA

